

Số: 1670/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ II/2019-2020

Khóa: 2018 T4 – Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-LTT-KHTC ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKII/2019-2020;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ II năm học 2019-2020 ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề HKII/2019-2020 cho 35 sinh viên Khóa 2018 T4 – Trung cấp, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học nghề;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.25 và KQRL ≥ 91 = 03 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 24 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.75 và KQRL ≥ 70 = 08 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không có môn học lại, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ II (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKI/2020-2021, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 500.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 425.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 250.000đ/tháng/SV;

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cổ vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, P.TTGD.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Huỳnh Tấn	Hưng	18004146	18T4-CĐT1	9,66	100	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
2	Nguyễn Đình	Quý	18000878	18T4-CCK1	9,25	91	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
3	Lê Nam	Thịnh	18000307	18T4-CĐT1	9,33	100	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
	Cộng =		3										7.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Người lập

Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng

Nguyễn Kính

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2019-2020

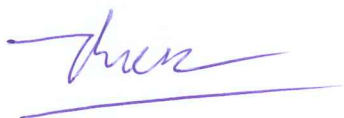
Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Quách Huệ	Bền	18005334	18T4-LTM1	8,32	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
2	Nguyễn Hữu	Đạt	18005710	18T4-TKĐ1	8,08	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
3	Nguyễn Tuấn	Dũng	18000837	18T4-LTM1	8,77	83	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
4	Trần Quốc	Duy	18001616	18T4-CĐT1	8,07	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
5	Nguyễn Đức	Hiếu	18000616	18T4-CĐT1	8,43	93	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
6	Đặng Thái	Hòa	18001223	18T4-LTM2	9,05	84	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
7	Phạm Văn	Hường	18005084	18T4-VSL1	8,77	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
8	Nguyễn Hữu Phúc	Khang	18000795	18T4-CĐT1	8,43	99	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
9	Hoàng Vĩnh	Kiệt	18004562	18T4-CKC1	8,34	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
10	Bùi Phạm Thanh	Lâm	18001176	18T4-CĐT1	8,48	99	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
11	Nguyễn Hồng	Minh	18000039	18T4-QTD1	8,34	83	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
12	Lâm Tuấn	Phong	18001347	18T4-TKĐ1	8,98	87	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	



A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
13	Trương Đình	Phúc	18000994	18T4-TKW1	8,77	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
14	Nguyễn Tú	Phương	18004629	18T4-CNM1	8,43	86	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
15	Ngô Trương Minh	Tâm	18000180	18T4-QTM1	8,52	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
16	Lê Nguyễn Xuân	Thiện	18000362	18T4-CĐT1	8,14	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
17	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	18000608	18T4-CNM1	8,59	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
18	Hoàng Đăng	Khôi	18005507	18T4-ANM1	8,60	85	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
19	Đỗ Như	Thụy	18000926	18T4-TKĐ1	8,59	91	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
20	Lê Phan Khánh	Thy	18000158	18T4-KTD1	9,08	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
21	Võ Trần Hợp	Tiến	18000516	18T4-TKĐ1	8,10	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
22	Lê Nguyễn Kim	Trọng	18001005	18T4-CĐT1	8,72	98	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
23	Lê Thục	Uyên	18005112	18T4-KTD1	8,37	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
24	Huỳnh Thị	Vy	18002254	18T4-KTD1	9,05	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
	Cộng =		24										51.000.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Năm mươi một triệu đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

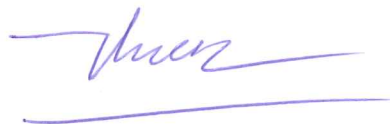
BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2019-2020

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Vũ Thị Như	Quỳnh	18003060	18T4-QTD2	9,23	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
2	Võ Hải	Anh	18001007	18T4-NNA2	9,07	76	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
3	Nguyễn Hồng	Ngân	18001106	18T4-QTD1	9,00	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
4	Nguyễn Đình	Khánh	18000822	18T4-ĐĐT1	8,86	74	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
5	Tô Chí	Trung	18001267	18T4-CKC1	8,85	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
6	Lê Nguyễn Công	Tài	18000499	18T4-QTM1	8,85	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
7	Mai Thị Uyên	Phương	18003535	18T4-NNA3	8,79	74	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
8	Trần Gia	Anh	18000521	18T4-QTD1	8,75	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
	Cộng =		8										10.000.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Mười triệu đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc